

PHÁP LUẬT VỀ MINH BẠCH VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC MAI
Viện Nhà nước và Pháp luật,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 16/9/2026. Sửa chữa xong 10/10/2026. Duyệt đăng 13/10/2026.

Abstract

This article examines the current state of Vietnamese law on transparency and accountability in charitable activities, highlighting achievements and limitations concerning information disclosure obligations, oversight mechanisms, data management, and the handling of violations. Based on this analysis, it proposes directions for legal reform aimed at enhancing transparency, strengthening accountability, and promoting social oversight while maintaining an appropriate balance between state management requirements and the encouragement of charitable initiatives serving the public interest.

Keywords: Accountability, charitable activities, legal reform, transparency.

1. Đặt vấn đề

Các nghiên cứu chỉ ra rằng, các tổ chức từ thiện dựa trên đức tin đã trở thành những tác nhân then chốt trong việc giải quyết các thách thức xã hội dai dẳng như nghèo đói, bất bình đẳng về sức khỏe, khoảng cách giáo dục và tính dễ bị tổn thương trước thiên tai, những vấn đề cốt lõi của Mục tiêu phát triển bền vững (Chowdhury, S. R., Wahab, H. A., & Islam, M. R., 2019), (Schliesser, C., 2024), (SDGs). Ở các nước đang phát triển như Việt Nam, hoạt động từ thiện đóng vai trò quan trọng, đồng hành cùng các chương trình an sinh xã hội, của Nhà nước, góp phần hỗ trợ người dân khi lâm vào hoàn cảnh khó khăn, khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động của các tổ chức từ thiện, các hoạt động từ thiện tự phát do người dân, ca sĩ, diễn viên... thực hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây lại xuất hiện không ít tranh luận liên quan đến việc công khai thông tin về số tiền quyên góp, quá trình quản lý và sử dụng nguồn tiền ủng hộ, tài trợ, hiệu quả phân phối nguồn lực, và như trách nhiệm của các chủ thể vận động ủng hộ từ thiện. Một số vụ việc tranh chấp từ thiện cùng với các thông tin lan truyền về các hành vi gian dối, chiếm đoạt tiền từ thiện... gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng an ninh trật tự, đến thuần phong mỹ tục (VietNamNet, 2021), đã làm giảm niềm tin xã hội đối với hoạt động thiện nguyện, đồng thời cho thấy những khoảng trống trong cơ chế giám sát và thực thi pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động này. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các quy định pháp luật về minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động từ thiện có ý nghĩa cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam, đánh giá những hạn chế, bất cập, bài viết đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao tính minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình và củng cố niềm tin của xã hội đối với hoạt động từ thiện ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng pháp luật về minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động từ thiện ở Việt Nam hiện nay

Minh bạch và trách nhiệm giải trình là những nguyên tắc cốt lõi bảo đảm tính chính danh của hoạt động từ thiện. Khác với hoạt động kinh doanh hay quản lý hành chính nhà nước, hoạt động từ thiện tồn tại và phát triển dựa trên niềm tin của cộng đồng và xã hội; do đó, việc công khai thông tin về tiếp nhận, quản lý

Email: mainn289@gmail.com

và sử dụng nguồn đóng góp có ý nghĩa quyết định đối với khả năng duy trì sự ủng hộ của cộng đồng. Về mặt lý thuyết, minh bạch được xem là cơ chế cung cấp cho các bên liên quan những thông tin đầy đủ, chính xác và đáng tin cậy, qua đó củng cố niềm tin của nhà tài trợ, tình nguyện viên và đối tượng thụ hưởng đối với hiệu quả hoạt động của tổ chức (Burger, R., & Owens, T., 2010). Ngược lại, sự thiếu minh bạch có thể làm suy giảm niềm tin công chúng, đe dọa khả năng huy động nguồn lực và tính bền vững của hoạt động từ thiện. Chính vì vậy, các chuẩn mực quốc tế về quản trị tổ chức phi lợi nhuận, tiêu biểu là Hiến chương Trách nhiệm giải trình của các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO Accountability Charter) (Charter, I. A., 2015), đều coi minh bạch và trách nhiệm giải trình là những yêu cầu nền tảng của quản trị tốt, đòi hỏi các tổ chức phải công bố kịp thời, đầy đủ và dễ tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động và tài chính của mình.

Tại Việt Nam, yêu cầu minh bạch trong hoạt động từ thiện đang là một vấn đề nhận được sự quan tâm của cộng đồng xã hội và giới nghiên cứu học thuật, đặc biệt trong bối cảnh niềm tin công chúng bị ảnh hưởng bởi các tranh cãi liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và phân phối nguồn đóng góp xã hội (Hạ Yến, 2026). Vì vậy, sự hình thành các quy định pháp luật về minh bạch và trách nhiệm giải trình không chỉ phản ánh xu hướng hiện đại hóa quản trị từ thiện mà còn cho thấy nhu cầu tăng cường kiểm soát pháp lý nhằm khắc phục những hạn chế của cơ chế tự điều chỉnh trước đây.

Trong những năm gần đây, cùng với sự gia tăng các hoạt động quyền góp xã hội và sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng số, pháp luật Việt Nam đã từng bước bổ sung các quy định điều chỉnh hoạt động từ thiện. Tuy nhiên, giữa yêu cầu minh bạch, giải trình của xã hội và khả năng đáp ứng của hệ thống pháp luật hiện hành vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể.

2.1.1. Khung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động từ thiện

Hoạt động từ thiện ở Việt Nam hiện nay được điều chỉnh bởi nhiều nhóm quy định pháp luật khác nhau, hình thành nên một khung pháp lý tương đối đầy đủ, tạo điều kiện cho các hoạt động từ thiện phát triển, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của người dân (Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Tiến Lực, 2022).

a. Pháp luật chuyên ngành đã từng bước hình thành và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động từ thiện

Trong lĩnh vực vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện, Nhà nước đã chuyển từ cơ chế quản lý được thiết lập tại Nghị định số 64/2008/NĐ-CP sang khuôn khổ pháp lý toàn diện hơn theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, qua đó mở rộng phạm vi điều chỉnh và bổ sung các yêu cầu về công khai, minh bạch trong hoạt động từ thiện.

Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện, khung pháp lý hiện hành được quy định chủ yếu tại Nghị định số 03/2026/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Nghị định này được ban hành trên cơ sở kế thừa và hoàn thiện các quy định trước đây tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP, đồng thời tăng cường yêu cầu về quản trị quỹ, trách nhiệm giải trình, công khai thông tin và kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản nhằm bảo đảm quỹ hoạt động đúng mục đích, đúng tôn chỉ và phục vụ lợi ích cộng đồng.

b. Pháp luật đã bước đầu thiết lập nghĩa vụ công khai và trách nhiệm giải trình của các chủ thể tham gia hoạt động từ thiện

Nghiên cứu của Harris và Neely trên hơn 14.000 tổ chức phi lợi nhuận cho thấy mức độ minh bạch cao hơn gắn liền với hiệu suất hoạt động tốt hơn và khả năng thu hút nhiều khoản đóng góp hơn trong tương lai (Harris, E. E., & Neely, D., 2021). Đồng thời, các nhà tài trợ ngày càng quan tâm đến bằng chứng về những thay đổi xã hội mà hoạt động từ thiện tạo ra, thay vì chỉ dựa vào các chỉ số tài chính hoặc chi phí quản lý (Brighton, S., 2026). Đáp ứng các đòi hỏi của cộng đồng và nhà tài trợ, các quy định hiện hành của Việt Nam yêu cầu tổ chức, cá nhân vận động từ thiện phải thông báo, công khai kết quả tiếp nhận, quản lý và phân phối nguồn đóng góp; các quỹ xã hội, quỹ từ thiện phải thực hiện chế độ báo cáo, kế toán và công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để chuyển hoạt động từ thiện từ mô hình dựa chủ yếu vào sự tự nguyện sang mô hình gắn với các yêu cầu trách nhiệm pháp lý nhất định.

c. Hoạt động từ thiện còn chịu sự điều chỉnh của nhiều ngành luật khác nhau

Các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế, xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025)... tạo nên cơ chế pháp lý hỗ trợ nhằm bảo đảm việc quản lý, sử dụng nguồn đóng góp đúng mục đích, đồng thời xử lý các hành vi gian lận, chiếm đoạt hoặc sử dụng sai nguồn lực từ thiện.

Những phân tích ở trên cho thấy các quy định điều chỉnh hoạt động từ thiện nằm rải rác ở các đạo luật khác nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, toàn diện. Nói cách khác, Việt Nam đã hình thành một khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ cho việc điều chỉnh hoạt động từ thiện.

2.1.2. Mặt tích cực của pháp luật hiện hành về minh bạch và trách nhiệm giải trình

Việc xây dựng và ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật thể hiện những nỗ lực đáng ghi nhận của Việt Nam trong việc thiết lập hành lang pháp lý về các yêu cầu minh bạch đối với hoạt động từ thiện.

a. Đó là sự thay đổi căn bản trong cách thức quản lý hoạt động từ thiện. Trước kia, việc quản lý chủ yếu dựa vào uy tín cá nhân của người đứng ra vận động, thì nay, pháp luật đã cụ thể hóa các nghĩa vụ về minh bạch và trách nhiệm giải trình. Thí dụ, Nghị định 64/2008/NĐ-CP ngày trước chủ yếu xác định các chủ thể được phép vận động, tiếp nhận cứu trợ, mà chưa có cơ chế công khai thông tin toàn diện. Đến Nghị định 93/2021/NĐ-CP, nhiều nghĩa vụ công khai đã được bổ sung. Các tổ chức và cá nhân vận động từ thiện giờ phải công khai tài khoản tiếp nhận, kết quả tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp, ủng hộ. Tương tự như vậy, trong lĩnh vực quỹ xã hội, quỹ từ thiện, Nghị định 03/2026/NĐ-CP đã kế thừa và hoàn thiện các quy định cũ về quản lý tài chính, kế toán, báo cáo. Điểm mới là việc tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản lý quỹ, mở rộng phạm vi công khai thông tin và tăng cường giám sát của cơ quan nhà nước. Điều này cho thấy một điều: Minh bạch trong hoạt động từ thiện đã không còn là chuẩn mực đạo đức hay cam kết tự nguyện đơn thuần. Nó đã trở thành một nghĩa vụ pháp lý bắt buộc, gắn với yêu cầu bảo đảm niềm tin xã hội.

b. Trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động từ thiện đã được xác định cụ thể hơn thông qua việc hoàn thiện các quy định về nghĩa vụ công khai thông tin và trách nhiệm giải trình. Trong việc vận động, tiếp nhận và phân phối nguồn đóng góp tự nguyện, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã thay đổi cách tiếp cận của Nghị định số 64/2008/NĐ-CP khi không chỉ mở rộng phạm vi chủ thể được tham gia vận động từ thiện mà còn quy định cụ thể hơn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thông báo hoạt động vận động, mở tài khoản riêng, công khai kết quả tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp. Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện, quá trình hoàn thiện pháp luật từ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP đến Nghị định số 03/2026/NĐ-CP cho thấy xu hướng tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản lý quỹ, người đại diện theo pháp luật và các bộ phận kiểm soát nội bộ, đồng thời mở rộng các nghĩa vụ báo cáo, công khai thông tin và quản lý tài sản của quỹ. Qua đó, trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động từ thiện không còn chủ yếu dựa trên cam kết đạo đức hay uy tín xã hội mà ngày càng được xác lập dưới dạng các nghĩa vụ pháp lý cụ thể, có thể kiểm tra, giám sát và xử lý khi vi phạm.

c. Cơ sở pháp lý cho hoạt động giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội đối với hoạt động từ thiện ngày càng được hoàn thiện. Nếu như ở Nghị định số 64/2008/NĐ-CP chủ yếu thiết kế cơ chế quản lý hành chính thông qua việc giới hạn các chủ thể được phép vận động, tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ, thì khả năng giám sát của xã hội còn tương đối hạn chế, do thông tin chủ yếu được báo cáo cho cơ quan quản lý và cũng chưa có cơ chế công khai rộng rãi đối với ngư ời dân. Thì đến Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, cùng với việc mở rộng phạm vi chủ thể được tham gia vận động từ thiện, pháp luật đã bổ sung hàng loạt nghĩa vụ công khai như công khai tài khoản tiếp nhận, kết quả vận động, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp, qua đó tạo điều kiện để nhà tài trợ, người thụ hưởng, báo chí và cộng đồng tham gia giám sát hoạt động từ thiện. Trong quản lý quỹ xã hội, quỹ từ thiện, Nghị định số 93/2019/NĐ-CP đã đặt ra các nghĩa vụ báo cáo và công khai tài chính đối với quỹ; Nghị định số 136/2024/NĐ-CP tiếp tục hoàn thiện một số quy định về quản lý và hoạt động của quỹ; đến Nghị định

số 03/2026/NĐ-CP, yêu cầu công khai thông tin và trách nhiệm báo cáo được mở rộng hơn, đồng thời cơ chế thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được quy định rõ hơn. Sự phát triển này cho thấy trọng tâm quản lý đã dần chuyển từ mô hình kiểm soát chủ thể sang mô hình tăng cường minh bạch thông tin nhằm kết hợp giám sát nhà nước với giám sát xã hội.

2.1.3. Những khoảng trống thể chế về minh bạch và trách nhiệm giải trình

Bên cạnh những thành tựu đạt được, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định, làm suy giảm hiệu quả quản lý cũng như yêu cầu bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động từ thiện.

a. Điểm hạn chế đầu tiên, đó là cơ chế công khai thông tin hiện nay vẫn nặng tính hậu kiểm. Pháp luật hiện hành về hoạt động từ thiện chủ yếu thiết kế cơ chế công khai theo hướng gắn với từng giai đoạn của quá trình vận động, tiếp nhận và phân phối nguồn đóng góp. Nói cách khác, quy định chưa yêu cầu công khai liên tục trong suốt quá trình thực hiện. Cụ thể, Nghị định 93/2021/NĐ-CP và Nghị định 03/2026/NĐ-CP tập trung yêu cầu các chủ thể công khai thông tin trước khi triển khai hoạt động (như mục đích vận động, phạm vi, tài khoản tiếp nhận). Rồi trong quá trình thực hiện, họ phải báo cáo hoặc cập nhật theo đợt. Sau khi kết thúc hoạt động, họ phải công khai thông qua báo cáo tổng hợp, quyết toán hoặc báo cáo tài chính định kỳ. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa đặt ra nghĩa vụ cập nhật tức thời từng giao dịch thu - chi ngay khi phát sinh. Chúng ta cũng chưa thiết lập cơ chế công khai dữ liệu liên tục trên nền tảng số theo thời gian thực. Thí dụ: chưa có hệ thống cho phép theo dõi trực tuyến từng khoản tiếp nhận và phân bổ ngay khi giao dịch được thực hiện. Hệ quả là cơ chế minh bạch hiện nay vẫn mang tính “theo giai đoạn” và “theo kỳ báo cáo”, chứ chưa phải là cơ chế giám sát liên tục và tức thời.

b. Vấn đề thứ hai là hạn chế về hạ tầng dữ liệu phục vụ quản trị minh bạch. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa thiết lập một cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cổng thông tin điện tử tập trung, thống nhất để quản lý, cập nhật và công khai thông tin về các hoạt động vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp từ thiện trên phạm vi toàn quốc. Theo Nghị định 03/2026/NĐ-CP, việc công khai thông tin chủ yếu được thực hiện phân tán bởi từng chủ thể vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức liên quan. Điều này dẫn đến tình trạng thông tin bị phân mảnh. Việc tra cứu, giám sát xã hội và đối chiếu dữ liệu giữa các chủ thể tham gia hoạt động từ thiện vì thế sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

c. Hạn chế thứ ba là pháp luật chưa theo kịp sự phát triển của hoạt động từ thiện trên nền tảng số. Nghị định số 03/2026/NĐ-CP của Chính phủ đã hoàn thiện đáng kể khuôn khổ pháp lý đối với tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện so với các quy định trước. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện hành vẫn chưa thiết lập một cơ chế pháp lý chuyên biệt điều chỉnh hoạt động vận động, tiếp nhận và phân phối nguồn đóng góp từ thiện trên môi trường số. Các quy định hiện hành chưa xác định rõ trách nhiệm của các nền tảng trung gian trong hoạt động gây quỹ trực tuyến. Chưa có cơ chế chuyên biệt về xác minh thông tin của chủ thể vận động, kết nối và lưu trữ dữ liệu giao dịch từ thiện, cũng như công khai dòng tiền theo thời gian thực. Hệ quả là hiệu quả giám sát xã hội và trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động từ thiện được thực hiện thông qua không gian mạng có thể bị giảm sút.

d. Hạn chế thứ tư là cơ chế trách nhiệm giải trình vẫn thiên về giải trình với cơ quan quản lý nhà nước hơn là giải trình với xã hội. Mặc dù, Nghị định số 03/2026/NĐ-CP đã tăng cường yêu cầu công khai thông tin và trách nhiệm báo cáo của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Song quyền giám sát của người đóng góp vẫn chưa được thiết kế thành một cơ chế pháp lý độc lập và hiệu quả. Pháp luật hiện hành chưa quy định rõ quyền yêu cầu cung cấp thông tin, quyền yêu cầu giải trình cũng như trình tự, thủ tục để người đóng góp khiếu nại hoặc yêu cầu xem xét khi phát hiện dấu hiệu sử dụng sai mục đích nguồn đóng góp. Điều này dẫn đến tình trạng cơ chế trách nhiệm giải trình hiện nay vẫn thiên về quan hệ giữa quỹ và cơ quan quản lý nhà nước. Trong khi đó, trách nhiệm giải trình đối với cộng đồng, nhà tài trợ và công chúng chưa được thể chế hóa đầy đủ theo yêu cầu của mô hình quản trị từ thiện hiện đại.

đ. Hạn chế thứ năm là cơ chế giám sát độc lập và chế tài xử lý vi phạm chưa thực sự tương xứng với yêu cầu thực tiễn. Mặc dù Nghị định số 03/2026/NĐ-CP đã tăng cường các yêu cầu về công khai thông tin, báo

cáo và kiểm soát nội bộ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện, song cơ chế giám sát độc lập vẫn chưa được thiết kế đầy đủ. Pháp luật hiện hành chưa quy định bắt buộc về kiểm toán độc lập, chưa thiết lập cơ chế đánh giá bởi bên thứ ba hoặc cơ chế giám sát có tổ chức của cộng đồng và các tổ chức xã hội đối với hoạt động từ thiện. Bên cạnh đó, các vi phạm liên quan đến nghĩa vụ công khai thông tin, báo cáo và giải trình chưa được gắn với một hệ thống chế tài chuyên biệt, rõ ràng và tương xứng trong chính lĩnh vực quản lý quỹ từ thiện. Những hạn chế này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát xã hội, làm giảm động lực tuân thủ và chưa tạo được áp lực pháp lý đủ mạnh để thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động từ thiện.

2.2. Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động từ thiện ở Việt Nam

Những khoảng trống thể chế được phân tích ở trên cho thấy vấn đề đặt ra hiện nay không chỉ dừng lại ở việc bổ sung thêm quy định pháp luật mà quan trọng hơn là đổi mới tư duy, cách thực hiện trong quản trị hoạt động từ thiện theo hướng lấy minh bạch, dữ liệu mở và trách nhiệm giải trình với xã hội làm trung tâm. Theo đó, để nâng cao hiệu quả trong quản trị, đảm bảo tính công khai, minh bạch trách nhiệm giải trình trong hoạt động từ thiện ở Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện như sau:

2.2.1. Hoàn thiện cơ chế công khai thông tin theo hướng chuyển từ công khai theo giai đoạn sang công khai thường xuyên và có khả năng kiểm chứng. Việt Nam cần có những quy định rõ hơn thời điểm, tần suất và nội dung thông tin phải công khai trong suốt quá trình vận động, tiếp nhận và phân phối nguồn đóng góp. Đối với các chương trình từ thiện có quy mô lớn, thời gian dài, cần bổ sung quy định yêu cầu cập nhật định kỳ số tiền, tài sản đã tiếp nhận, các khoản đã chi, số dư và tiến độ phân phối. Thay vì chỉ tổng hợp khi kết thúc chương trình. Đồng thời, cần chuẩn hóa hình thức công khai để người đóng góp và công chúng có thể dễ dàng theo dõi, giám sát và đối chiếu giữa số tiền vận động và số tiền đã chi sử dụng. Đối với các khoản thu, chi thực hiện trên môi trường điện tử, cần thiết lập cơ chế cập nhật dữ liệu giao dịch trên nền tảng số khi phát sinh giao dịch. Điều này giúp khắc phục hạn chế của cơ chế hậu kiểm, lại vừa không tạo ra yêu cầu kỹ thuật quá cao đối với những hoạt động từ thiện có quy mô nhỏ.

2.2.2. Thiết lập hạ tầng dữ liệu thống nhất phục vụ quản lý, công khai và minh bạch hoạt động từ thiện. Việt Nam cần nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu hoặc cổng thông tin điện tử tập trung về hoạt động từ thiện, trước mắt là thực hiện đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các chương trình vận động có quy mô đáng kể. Hệ thống này cần đáp ứng yêu cầu cung cấp những thông tin cơ bản như chủ thể vận động, mục đích, thời gian, địa bàn, nguồn lực tiếp nhận, kết quả phân phối và tình trạng thực hiện nghĩa vụ báo cáo. Cùng với đó, cần thống nhất tiêu chuẩn dữ liệu và trách nhiệm cập nhật của các chủ thể có liên quan. Mục đích là để bảo đảm thông tin được trình bày theo một cấu trúc thống nhất và có thể tìm kiếm, so sánh. Việc xây dựng hạ tầng dữ liệu cần được thực hiện theo một lộ trình phù hợp, có tham khảo, tiếp thu kinh nghiệm của các quốc gia thành công. Đặc biệt cần tránh biến yêu cầu số hóa trở thành gánh nặng thủ tục đối với các hoạt động thiện nguyện, tự nguyện, có quy mô nhỏ.

2.2.3. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định điều chỉnh hoạt động từ thiện trên nền tảng số, xác định rõ trách nhiệm của các nền tảng trung gian. Sự phát triển của mạng xã hội và các phương thức thanh toán điện tử đã làm thay đổi đáng kể cách thức, phương thức huy động, tiếp nhận đóng góp. Trong khi đó, quy định pháp luật chưa theo kịp thực tiễn này. Do đó, cần nghiên cứu bổ sung thêm các quy định về xác minh danh tính và thông tin của chủ thể vận động, mục đích của chương trình, phương thức tiếp nhận và sử dụng nguồn đóng góp trực tuyến. Đối với các nền tảng trung gian tham gia hỗ trợ hoạt động gây quỹ, cần xác định phạm vi trách nhiệm phù hợp. Nhất là trách nhiệm lưu trữ thông tin, hỗ trợ việc truy xuất dữ liệu giao dịch và phối hợp cung cấp thông tin khi có yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, cần phân định rõ trách nhiệm của chủ thể vận động với trách nhiệm của bên cung cấp nền tảng, cung cấp dịch vụ. Tránh tình trạng áp đặt trách nhiệm quản lý nguồn tiền từ thiện cho các nền tảng trong khi họ chỉ đóng vai trò cung cấp hạ tầng kỹ thuật. Quy định theo hướng này sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý hoạt động từ thiện trực tuyến mà không kìm hãm, cản trở sự phát triển của các phương thức thiện nguyện mới.

2.2.4. Hoàn thiện quy định liên quan đến quyền giám sát và yêu cầu giải trình của người đóng góp,

người thụ hưởng và cộng đồng. Trách nhiệm giải trình không chỉ thực hiện trong quan hệ với cơ quan nhà nước, mà cần mở rộng sang quan hệ trực tiếp với người cung cấp và thụ hưởng nguồn lực. Pháp luật nên quy định rõ quyền tiếp cận thông tin, quyền yêu cầu giải thích các khoản thu chi chưa rõ ràng, và quyền phản ánh khi nghi ngờ nguồn đóng góp bị sử dụng sai mục đích, mục tiêu. Cần xác định thời hạn và trách nhiệm phản hồi để quyền này thực hiện được trên thực tế. Với các quỹ hoặc chương trình lớn, có thể nghiên cứu cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh độc lập. Cũng cần lưu ý rằng, việc tăng cường giám sát cộng đồng không nhằm hành chính hóa hoạt động thiện nguyện, mà hướng tới bảo đảm nguồn lực tự nguyện phải đi kèm trách nhiệm giải thích.

2.2.5. Cần tăng cường giám sát độc lập và hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm về minh bạch, giải trình. Ngoài cơ chế kiểm tra nhà nước và kiểm soát nội bộ, cần cơ chế giám sát độc lập phù hợp với quy mô và rủi ro của từng loại hình. Với quỹ hoặc chương trình lớn, có thể yêu cầu kiểm toán, xác nhận hoặc đánh giá độc lập. Với hoạt động từ thiện nhỏ, có thể áp dụng cơ chế đơn giản hơn để tránh chi phí không cần thiết. Đồng thời, cần quy định rõ các hành vi vi phạm nghĩa vụ công khai, báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin sai lệch hoặc sử dụng nguồn đóng góp sai mục đích. Gắn với hình thức và mức xử lý tương xứng. Với hành vi có dấu hiệu chiếm đoạt hoặc gian dối, cần bảo đảm liên thông giữa xử lý hành chính, dân sự và hình sự. Một hệ thống giám sát và chế tài hợp lý sẽ tạo động lực tuân thủ, đồng thời phân biệt rõ sai phạm cần xử lý với thiếu sót mang tính thủ tục trong hoạt động từ thiện.

3. Kết luận

Hoạt động từ thiện ở Việt Nam đang ngày càng đa dạng về nội dung và hình thức thực hiện nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề mới, thách thức mới. Trong đó việc đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình là một yêu cầu cấp thiết hiện nay. Thời gian qua, Việt Nam đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong hoàn thiện pháp luật trong việc xác lập nghĩa vụ công khai, báo cáo, quản lý và kiểm soát nguồn đóng góp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để hoạt động từ thiện đi đúng mục đích, mục tiêu kỳ vọng. Song, các quy định vẫn còn phân tán và chưa theo kịp thực tiễn, đặc biệt là hoạt động từ thiện trên môi trường số. Cơ chế công khai, dữ liệu, giám sát xã hội và xử lý vi phạm vẫn còn những điểm chưa đáp ứng yêu cầu. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng minh bạch có thể kiểm chứng, trách nhiệm giải trình thực chất và giám sát phù hợp. Mục tiêu là bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước mà vẫn khuyến khích các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- Brighton, S. (2026). *From Funding Organizations to Funding Outcomes: Why Shared Data Is Reshaping Philanthropy*. Forbes, ngày 18/2/2026, <https://www.forbes.com/councils/forbesnonprofitcouncil/2026/02/18/from-funding-organizations-to-funding-outcomes-why-shared-data-is-reshaping-philanthropy>.
- Burger, R., & Owens, T. (2010). Promoting transparency in the NGO sector: Examining the availability and reliability of self-reported data. *World Development*, 38(9), pp. 1263–1277.
- Charter, I. A. (2015). *Our Accountability Commitments*, Amnesty International, London, UK.
- Chowdhury, S. R., Wahab, H. A., & Islam, M. R. (2019). The role of faith-based NGOs in social development: Invisible empowerment. *International Social Work*, 62(3), pp. 1055–1074, <https://doi.org/10.1177/0020872818767260>.
- Gandía, J. L. (2011). Internet disclosure by nonprofit organizations: Empirical evidence of nongovernmental organizations for development in Spain. *Nonprofit and Voluntary Sector Quarterly*, 40, pp. 57–78.
- Harris, E. E., & Neely, D. (2021). Determinants and Consequences of Nonprofit Transparency. *Journal of Accounting, Auditing & Finance*, 36(1), pp. 195–220.
- Hạ Yến (2026). *Minh bạch quỹ từ thiện, giữ niềm tin cộng đồng*. Ngày 25/5/2026. <https://hanoimoi.vn/minh-bach-quy-tu-thien-giu-niem-tin-cong-dong-922890.html>, truy cập ngày 15/9/2026.
- Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Tiến Lực. (2022). Hoạt động từ thiện xã hội – thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 8/9/2022, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/09/08/hoat-dong-tu-thien-xa-hoi-thuc-trang-va-giai-phap/>, truy cập ngày 20/6/2026.
- Schliesser, C. (2024). Religion matters: Religion and the sustainable development goals (SDGs). *Religions*, 15(3), 337, <https://doi.org/10.3390/rel15030337>.
- VietNamNet. (2021). *Tranh chấp nói xấu nhau trong 'lùm xùm' từ thiện, đề nghị làm rõ đúng sai*. VietNamNet, ngày 24/10/2021, <https://vietnamnet.vn/tranh-chap-noi-xau-nhau-trong-lum-xum-tu-thien-de-nghi-lam-ro-dung-sai-786485.html>.